

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 01 - 2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Bảy
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 716/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thanh T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: số V đường Trần Nguyên Hãn, khóm C, phường H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: số V đường Trần Nguyên Hãn, khóm C, phường H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Phạm Thanh T trình bày tại đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Năm 2000, bà và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về nuôi con chung: Bà và ông V có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh ngày 19/11/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi cháu Nguyễn, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà với ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Do điều kiện đi làm ăn xa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/01/2024, ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000 ông và bà Phạm Thanh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh ngày 19/11/2007, đang đi tu ở tỉnh Kiên Giang. Ông đồng ý giao cháu Nguyễn cho bà T nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là bà Phạm Thanh T và bị đơn là ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 2000 bà Phạm Thanh T và và bị đơn là ông Nguyễn Thanh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông bà trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hai người đã ly thân nhiều năm nay mà không liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà T xin ly hôn, ông V đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà T không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

[3] *Về con chung:* Ông V và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Trọng Nguyên, sinh

ngày 19/11/2007. Khi ly hôn, ông V đồng ý giao cháu Nguyễn cho bà T nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, cháu Nguyễn trên 07 tuổi và đang sống với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Trọng Nguyễn cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Ông V và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Ông V và bà T xác định không yêu cầu.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thanh T và ông Nguyễn Thanh Vũ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng Nguyễn, sinh ngày 19/11/2007 cho bà Phạm Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 12/12/2023, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007779 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 9, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc